BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 168 /GPMT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 24/2023/CV-CPL.BG ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường giai đoạn 1 của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN Nham Sơn, Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang, địa chỉ tại Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư, thị trấn Nham Biền và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 1 của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN Nham Sơn, Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang" có địa chỉ tại thị trấn Nham Biền và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN Nham Sơn, Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang".

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Nham Biền và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2110004486 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang, cấp lần đầu ngày 3 tháng 4 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp: 2400831683 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/02/2021.

1.4. Mã số thuế: 2400831683.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cụm công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam bao gồm:

Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Dệt (không có công đoạn nhuộm)	C	13			
Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt			131		
Sản xuất hàng dệt khác			139		
Sản xuất trang phục (không có công đoạn nhuộm)	C	14			
May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)			141		
Sản xuất sản phẩm từ da lông thú			142		
Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc			143		
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không có công đoạn nhuộm)	C	15			
Sản xuất giày, dép			152		
Nhóm ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện.	C	16			
In, sao chép bản ghi các loại	C	18			
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C	23			
Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh			231		
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu			239		
Sản xuất sản phẩm chịu lửa				2391	
Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét				2392	
Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác				2393	
Sản xuất vôi					23942
Sản xuất thạch cao					23943
Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao				2395	
Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá				2396	
Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu				2399	
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	C	25			
Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi			251		
Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại			259		
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C	26			
Nhóm ngành sản xuất thiết bị điện	C	27			

Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Nhóm ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C	28			
Nhóm ngành sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C	29			
Sản xuất phương tiện vận tải khác	C	30			
Nhóm ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C	31			
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ					31001
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại					31002
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác					31009
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C	32			
Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H	52			
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa			521		
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải			522	5229	
Bốc xếp hàng hóa đường bộ			522	5224	52242
Bốc xếp hàng hóa cảng sông			522	5224	52244
Bốc xếp hàng hóa loại khác			522	5224	52249
Hoạt động kinh doanh bất động sản	L	68			

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 73,296 ha, đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trên phần diện tích 73,009 ha của cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình

bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **7 năm**.

(từ ngày 30 tháng 5 năm 2023 đến ngày 29 tháng 5 năm 2030).

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bắc Giang (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;
- Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSONMT, HHa (15).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 168.../GPMT-BTNMT ngày 30.. tháng .5.. năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong cụm công nghiệp.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm đặt tại khu xử lý nước thải.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh của nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh của khu điều hành dịch vụ của cụm công nghiệp.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh N5 (sau đó thoát ra khu vực kênh Yên Tập rồi chảy ra sông Cầu) – đoạn kênh do Xí nghiệp khai thác Công trình Thủy lợi Nam Yên Dũng quản lý.

2.2. Vị trí xả nước thải: Kênh N5.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2344166.97; Y = 417320.58 (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến 107^0, múi chiếu 3^0).

- Điểm xả thải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 500 m^3/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy (Nước thải sau xử lý từ mô đun 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy vào hồ sinh học, chảy ra mương quan trắc sau đó tự chảy theo đường ống ra kênh N5).

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 0,9 và K_f = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	^oC	40	03 tháng/lần	Phải hoàn thành lắp đặt chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm
2	pH	-	6 đến 9		
3	COD	mg/l	67,5		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		2024
6	BOD_5 (20°C)	mg/l	27	03 tháng/lần	Không yêu cầu
7	Màu	Pt/Co	50		
8	Asen	mg/l	0,045		
9	Thuỷ ngân	mg/l	0,0045		
10	Chì	mg/l	0,09		
11	Cadimi	mg/l	0,045		
12	Crom (VI)	mg/l	0,045		
13	Crom (III)	mg/l	0,18		
14	Đồng	mg/l	1,8		
15	Kẽm	mg/l	2,7		
16	Niken	mg/l	0,18		
17	Mangan	mg/l	0,45		
18	Sắt	mg/l	0,9		
19	Tổng xianua	mg/l	0,063		
20	Tổng phenol	mg/l	0,09		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
22	Sunfua	mg/l	0,18		
23	Florua	mg/l	4,5		
24	Tổng nitơ	mg/l	18		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6		
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	450		
27	Clo dư	mg/l	0,9		
28	Coliform	vi khuẩn/ 100ml	3.000		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,27	01 năm/lần	
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045		
33	Tổng PCB	mg/l	0,0027		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp (nguồn số 01) được xử lý sơ bộ để đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp

Nham Sơn – Yên Lư trước khi bơm về Mô đun 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải từ phòng thí nghiệm (nguồn số 02) được đưa về mô đun 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 03, 04) đưa qua 02 bể tự hoại có tổng thể tích thiết kế 12,86 m^3 (01 bể tự hoại có thể tích 7,86 m^3 và 01 bể tự hoại có thể tích 5m^3) sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải từ máy ép bùn (nguồn số 05) đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Đã xây dựng Mô đun 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung, cụ thể như sau:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → song chắn rác → Bể thu gom → máy tách rác tinh → Bể điều hòa → Bể khử Cr → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí →Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể sinh học (chứa nước sau xử lý) → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận là kênh N5.

- Công suất thiết kế: 500 m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng của hệ thống xử lý nước thải: NaOCl, NaOH, PAC, A-Polymer, dinh dưỡng, C-polymer, H_2SO_4, $FeSO_4$ (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) theo quy định và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024, cụ thể:

- Vị trí lắp đặt: Bể chứa nước thải sau xử lý.

- Thông số quan trắc lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động lắp đặt: 01 bộ.

- Camera theo dõi: Phải lắp camera theo dõi, giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố tổng dung tích thiết kế 1.500 m^3, đáy hồ và thành hồ được lót HDPE, xây đá hộc để ngăn ngừa nước thải thấm thấu ra môi trường đất.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; Lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

b) Phương án ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải vượt quy chuẩn trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động bình thường, cán bộ vận hành mở van tại trạm bơm quan trắc, do cao độ ống dẫn nước thấp hơn cao độ ống dẫn nước ra cửa xả, nước từ mương quan trắc không chảy ra bên ngoài mà chảy về hồ sự cố.

Trong trường hợp hoàn thành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, tín hiệu từ hệ thống quan trắc tự động, liên tục sẽ báo hiệu để tự động dừng bơm cấp nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung theo chương trình đã được lập trình, nước thải từ bể gom được bơm về hồ sự cố.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị, các đường ống dẫn nước thải hoặc tại các công đoạn xử lý của hệ thống:

Nước thải được đưa về hồ sự cố 1.500 m^3 trong các trường hợp sau: (1) trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (2) trường hợp rò rỉ, vỡ đường ống do tác động ngoại cảnh, tiến hành khóa nguồn nước và sử dụng bơm di động, khắc phục ngay sự cố; (3) trường hợp sự cố do vận hành liên quan đến việc phải chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, dinh dưỡng, nuôi cấy vi sinh, tiến hành rà soát, điều chỉnh, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải, bơm nước thải chưa xử lý từ bể sự cố về bể thu gom, chứa nước thải để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng, cần dừng tạm thời để sửa chữa, thay thế: Công nhân vận hành khóa van vào bể thu gom, mở van để dẫn nước thải về Hồ sự cố lưu giữ trong thời gian 03 ngày, khẩn trương khắc phục sự cố; sau khi khắc phục xong nước thải được bơm trở lại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Trường hợp cần thiết, thỏa thuận với các cơ sở thứ cấp về việc hạn chế xả nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung để khắc phục sự cố.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của cụm công nghiệp

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	^oC	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD_5 (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoán g	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
33	Tổng PCB	mg/l	0,01

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (sau 20 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế là 500 m^3/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Bể thu gom nước thải đầu vào (lấy 01 lần).
- Điểm lấy mẫu tại mương đo lưu lượng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm, cụ thể như sau:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cụm công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cụm công nghiệp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.7. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định phát luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng công trình thủy lợi, công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo quy định pháp luật.

3.8. Hoàn thành việc thu gom, đấu nối nước thải của các cơ sở: Xí nghiệp May Yên Dũng thuộc Công ty cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng; Nhà máy gạch ốp lát granite Thạch Bàn Bắc Giang thuộc Công ty TNHH Thạch Bàn; Nhà máy Sản xuất linh kiện điện tử thuộc Công ty TNHH Lian Tech Yên Dũng và Cửa hàng kinh doanh xăng dầu thuộc Công ty TNHH thương mại – dịch vụ Phúc Thành (trước thuộc quản lý của công ty TNHH Séc Việt) vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải của cụm công nghiệp trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 (theo cam kết của Chủ đầu tư dự án tại Văn bản số 24/2023/CV-CPLBG ngày 24 tháng 4 năm 2023) hoặc theo yêu cầu của địa phương.

3.9. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 168 /GPMT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phòng đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

TT	Tên nguồn thải	Tọa độ vị trí X	Tọa độ vị trí Y
1	Phòng đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải	2344283.99	417147.66
2	Khu vực đặt máy phát điện đặt trong khu hạ tầng kỹ thuật đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung	2344300.43	417359.24

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30' múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Sử dụng đệm cao su chống ồn được lắp tại chân của máy móc thiết bị.

1.2. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.

1.3. Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 168./GPMT-BTNMT ngày 30.. tháng .5.. năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

TT	Tên chất thải nguy hại (CTNH)	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay chứa thành phần nguy hại	18 02 01	25
3	Mực in, Hộp mực in thải	08 02 04	2
4	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 07 04	25
5	Pin, ắc quy thải	19 06 01	5
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	50
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	25
8	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	25
9	Bùn từ quá trình xử lý nước thải	12 06 06	145.040
10	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	50
	Tổng khối lượng		**145.212**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (trừ chất thải được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất - kí hiệu là TT-R): hoạt động quản lý vận hành cụm công nghiệp không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	3,2
Tổng khối lượng		**3,2**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 30-120 lít, được dán nhãn cảnh báo nguy hại; bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại, được để tại kho lưu chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp có diện tích thiết kế 11,12 m^2.

- Kho có tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có gờ chống tràn, hố thu, bình bọt chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:

- Khu vực lưu giữ bùn thải diện tích 54,03 m^2 gồm: 01 khu vực đặt máy ép bùn có diện tích 19,66 m^2 và khu vực chứa bùn thải sau ép 34,37m^2.

- Khu vực có tường bao, lợp mái, nền lát xi măng, chống thấm, có gờ chống tràn và có biển cảnh báo kho chứa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Xe đẩy và thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 100 lít, được dán nhãn tập kết tại khu vực chứa rác sinh hoạt diện tích 5m^2 và chuyển giao cho đơn vị có đủ chứng năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 168./GPMT-BTNMT ngày 30. tháng .5.. năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật trên diện tích 73,009 ha/tổng diện tích 73,296 ha của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư" tại thị trấn Nham Biền và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (theo Quyết định số 353/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 2 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án).

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 353/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 2 năm 2019 nêu trên cụ thể như sau:

2.1. Các hạng mục cở sở hạ tầng:

San lấp mặt bằng, xây dựng và trồng cây xanh, hoàn thiện hạ tầng giao thông trên diện tích 0,287 ha.

2.2. Xây dựng công trình bảo vệ môi trường:

Xây dựng 02 mô đun của hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp có công suất thiết kế 1.500 m^3/ngày (24 giờ) (01 mô đun công suất 500 m^3/ngày (24 giờ); 01 mô đun công suất 1.000 m^3/ngày (24 giờ).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → song chắn rác thô → Bể thu gom → máy tách rác tinh → Bể điều hòa → Bể khử Cr → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể sinh học (chứa nước sau xử lý) → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận là kênh N5.

- Các hạng mục được dùng chung cho 03 mô đun của hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp gồm: Bể thu gom; hồ sinh học (hồ chứa nước sau xử lý); Mương quan trắc; Nhà ép bùn.

- Xây dựng hồ sự cố nâng tổng dung tích hồ sự cố lên 6.000 m^3.

- Hoàn thành việc lắp đặt trạm quan trắc tự động nước thải có hệ thống camera dẫn truyền số liệu về Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang, các thông số lắp đặt bao gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang theo quy định hoàn thành chậm nhất là ngày 31/12/2024.

- Tiếp tục hoàn thiện diện tích cây xanh mặt nước đảm bảo theo đúng quy định, tổng diện tích cây xanh mặt nước: 73.381m^2.

- Bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo quy định trên tổng diện tích 73,296 ha của Dự án.

2.3. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Đối với thu gom và xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh trên công trường tại các nhà vệ sinh di động được nhà thầu thi công định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định; tuyệt đối không xả thẳng ra ngoài môi trường. Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải từ hoạt động rửa phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường được thu gom và xử lý bằng phương pháp hố lắng, tách cặn sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa của cụm công nghiệp hiện hữu. Bùn đất, cát tại hố lắng được đào đắp ngay tại công trường. Quy trình thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện: Nước thải → Hố lắng/tách cặn → Hệ thống thoát nước mưa của cụm công nghiệp hiện hữu.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công của Dự án chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Đối với xử lý bụi, khí thải:

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

+ Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

+ Tưới nước tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất 2 lần/ngày.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy, sau đó chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

+ Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

+ Bố trí các thiết bị chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy và dán nhãn, nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nhiễm tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công:

+ Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi CCN; yêu

cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi CCN.

2.4. Các biện pháp khác trong giai đoạn thi công các hạng mục công trình bảo vệ môi trường còn lại của dự án, cụ thể như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: Xây dựng phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công, dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép;

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 85/940 kVA; nhiên liệu sử dụng là dầu diesel), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu diesel sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.